

**SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 198/CV-BVĐKT
V/v mời chào giá hóa
chất xét nghiệm, sinh
phẩm y tế

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị /nhà cung cấp

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa đang có nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế nhằm đáp ứng nhu cầu và không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, chi tiết danh mục cần mua sắm tại phụ lục 01 đính kèm.

Để có cơ sở lập kế hoạch mua sắm, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa kính mời các đơn vị kinh doanh, các nhà cung cấp quan tâm, có khả năng thực hiện cung cấp hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế nêu trên gửi hồ sơ báo giá và các tài liệu liên quan về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành Phố Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa trước ngày 14 tháng 02 năm 2023 để tổng hợp, gồm nội dung sau:

1. Đăng ký kinh doanh, tài liệu chứng minh đủ điều kiện để kinh doanh trang thiết bị y tế theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về Quản lý trang thiết bị.

2. Báo giá cung cấp đầy đủ chi tiết các thông tin (bao gồm nội dung kê khai phân nhóm; kê khai giá) theo mẫu tại phụ lục 02 đính kèm.

3. Hợp đồng tương tự cung cấp thiết bị ở các đơn vị đã ký trong thời gian 12 tháng gần đây (nếu có);

4. Catalog, cấu hình tính năng kỹ thuật theo thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020. *lv*

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT; TCKT; KD.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Sỹ

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số 198/CV-BVĐKT ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hóa chất	Quy cách đóng gói	Hãng/Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
1	ACCESS FOLATE CALIBRATORS	6x4mL/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1
2	ACCESS hFSH CALIBRATORS	6x4mL/Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1
3	ACCESS hLH CALIBRATORS	6x4mL/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1
4	ACCESS hsTnI	2x50test/ Hộp	Immunotech S.A.S, Pháp	Test	1.500
5	ACCESS HYBRITECH PSA CALIBRATORS	6x2.5mL/Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1
6	ACCESS PROGESTERONE CALIBRATORS	4mL+5x2.5mL/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1

7	ACCESS SENSITIVE ESTRADIOL CALIBRATORS	4mL+5x2mL	Immunotech S.A.S, Pháp sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	1
8	ACCESS TESTOSTERONE CALIBRATORS	6x2.5mL/Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1
9	ACCESS TOTAL T3 CALIBRATORS	6x4mL/Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1
10	ACCESS TOTAL T4	2x50test/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	2
11	ACCESS TOTAL T4 CALIBRATORS	6x4mL/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	1
12	Access TSH (3rd IS)	2x100test/ Hộp	Immunotech S.A.S, Pháp	Test	800
13	ACL TOP Cuvettes	2400cuvette/ Hộp	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	Cái	36.000
14	ALBUMIN	4x54ml/Hộp (216ml)	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	216

15	ALT	4x12ml+4x6ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	2.160
16	AST	4x6ml+4x6ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	1.440
17	CK (NAC)	4x22ml+4x4ml+4x6ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	128
18	CK-MB	2x22ml+2x4ml+2x6ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	64
19	CK-MB CALIBRATOR	1x1ml/ Lọ	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	6
20	COULTER 6C Cell Control	4x3.5mL Level I 4x3.5mL Level II 4x3.5mL Level III/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	31,5
21	COULTER DxH Cell Lyse	5L/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	15.000
22	COULTER DxH Diff Pack	1900mL+850mL/Hộp	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	5

23	CRP LATEX	4x30ml+4x30ml/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	720
24	CRP LATEX CALIBRATOR HIGHLY SENSITIVE (HS) SET	5x2ml/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	10
25	GGT	4x18ml+4x18ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	144
26	GLUCOSE	4x25ml+4x12.5ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	1.500
27	HbA1c (GHb) Calibrator Kit, 500µL (Levels 1 & 2) (Glycated Hemoglobin Calibrators Level 1 & Level 2)	2x500µl/ Hộp (Hộp 1 ml)	Trinity Biotech/ Mỹ	ml	2
28	HbA1c (GHb) Controls Kit, 500µL (Levels I & II) (Glycated Hemoglobin Controls Level I & Level II)	2x500µl/ Hộp (Hộp 1 ml)	Trinity Biotech/ Mỹ	ml	2
29	HDL-CHOLESTEROL	4x27ml+4x9ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	432
30	HDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR	2x3ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	12

31	HemosIL Cleaning agent	1x80mL/ Hộp	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	ml	80
32	HemosIL dRVVT Confirm	10 x 2 mL/ Hộp	Instrumentation Laboratory/ Mỹ	ml	20
33	HemosIL dRVVT Screen	10 x 2 mL/ Hộp	Instrumentation Laboratory/ Mỹ	ml	20
34	HemosIL Factor diluent	1x100mL/ Hộp	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	ml	1.000
35	HemosIL Q.F.A Thrombin (2 mL) (Q.F.A Thrombin (Bovine))	10x2mL/ Hộp	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	ml	300
36	HemosIL Rinse solution	1x4000mL/ Bình	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	ml	200.000
37	HemosIL Thrombin Time	4x2 mL+1 x9 mL/ Hộp	Instrumentation Laboratory/ Mỹ	ml	170
38	Homocysteine Calibrator Set (5 levels)	5x1 mL(5mL)	Dialab/ Áo	Hộp	1

39	HOMOCYSTEINE CONTROL SET (4 LEVELS)	4x1ml(4mL)	Dialab/Áo	Hộp	4
40	ISE High Serum Standard	4x100ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	400
41	ISE Low Serum Standard	4x100ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	400
42	LDL-CHOLESTEROL	4x27ml+4x9ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	720
43	LDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR	2x1ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	ml	4
44	Levofloxacin 5µg	(5 x 50 khoan)/ Hộp	Oxoid - Anh	Khoanh	250
45	LIAISON dsDNA	100test/ Hộp	DiaSorin S.p.A., Ý	Test	100
46	LIAISON XL - Cuvettes	1800 Cuvettes/ Hộp	Gerresheimer Regensburg GmbH, Germany sản xuất cho Diasorin S.p.A, Ý	cuvettes	5400

47	LIAISON XL - Disposable Tips	576tip (cái)/Túi x 12 Túi/ Hộp	DiaSorin S.p.A., Ý	tip	1.152
48	LIAISON XL Cleaning Tool	10 x 3.5 mL + 2 integrated/ Hộp	DiaSorin S.p.A., Ý	Hộp	2
49	LIAISON XL murex HBsAg Quant	200 test/ Hộp	DiaSorin S.p.A.	Test	800
50	LIAISON XL murex HCV Ab	100 test/ Hộp	DiaSorin S.p.A. ý	Test	800
51	LIAISON XL murex HIV Ab/Ag HT	200 test/ Hộp	DiaSorin S.p.A., Ý	Test	800
52	LIAISON XL Starter Kit	3x230ml+3x230ml/ Hộp	DiaSorin S.p.A., Ý	ml	2.760
53	LIPASE	4x10ml+4x1yo+4x3.3ml+2 x3ml	Sekisui Medical Co., Ltd., Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	2
54	MAS Cardiolmmune XL	6x3ml/ Hộp	Microgenics Corporation, Mỹ	ml	90

55	Quidel Triage BNP Calibrators	6x1.5mL/ Hộp (Hộp 9 ml)	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Quidel Cardiovascular Inc., Mỹ	ml	9
56	Quidel Triage BNP Reagents	2x50 test/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Quidel Cardiovascular Inc., Mỹ	Test	100
57	Resolution Analytical Column	1 pillar	Trinity Biotech, Mỹ	cột	1
58	TRIGLYCERIDE	4x20ml+4x5ml/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	500
59	TRI-LEVEL CARDIAC CONTROL (CRD CONTROL 1, 2, 3)	3x2ml	Randox - Anh	ml	180
60	UniCel DxI Wash Buffer II	10L/Hộp	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hộp	20
61	URIC ACID	4x30ml+4x12.5ml/ Hộp	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	340
62	α -AMYLASE	4x40ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	160



MẪU THÔNG TIN CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 198 ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá)

Các thông tin cơ bản trong bản chào giá:

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Hãng/Nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã bao gồm VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14	Bảng kê khai giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
Tổng cộng											

Ghi chú:

- Cột (10): Gửi kèm tài liệu chứng minh.
- Cột (11): Bảng kê khai giá theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP. Đính kèm ảnh chụp màn hình để chứng minh (có đóng dấu treo của Công ty).

